TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1127/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Lý

2/ Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2157/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2882/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phạm Bích T1 - sinh năm 1965

Thường trú: 239 Đại lộ C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số A đường T, Khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Võ Huy H - sinh năm 1969

Thường trú: 239 Đại lộ C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số A đường T, Khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Phạm Bích T1 trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Bà và ông Võ Huy H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức hỏi cưới, đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N (nay thuộc Quận G), Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, đến khoảng năm 2014 giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông H ngoại tình và cờ bạc, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai người nấy sống. Nay do không hàn gắn được mâu thuẫn và đã quá sức chịu đựng của bà, bà đã suy nghĩ kỹ và xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: có 02 con chung tên Võ Hoàng Quang Đ sinh ngày 22/02/1993 và Võ Hoàng Thủy Tiên sinh ngày 11/02/1995, đã đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ông Võ Huy H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt. Ông H có mặt tại phiên tòa và có ý kiến trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: về quá trình kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà T1 đã trình bày, ông là người có lỗi. Tuy nhiên, hiện nay ông cũng đã lớn tuổi nên không muốn ly hôn. Nếu bà T1 cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông cũng không làm gì khác được, cũng phải chấp nhận. Tùy Tòa án giải quyết.

Về con chung: có 02 con chung như bà T1 đã trình bày. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều

28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Võ Huy H cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Phạm Bích T1 và ông Võ Huy H tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N (nay là Quận G), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/1990. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay bà T1 nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông H, trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T1: Bà T1 và ông H kết hôn hợp pháp, theo bà T1 trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào khoảng năm 2014 do ông H ngoại tình và cờ bạc, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai người nấy sống. Ông H thừa nhận những nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà T1 đã trình bày, ông có lỗi trong mối quan hệ hôn nhân. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự tôn trọng, thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Trong vụ án này, cả hai đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến mất hạnh phúc gia đình là do lỗi của ông H. Mặc dù nay ông H không muốn ly hôn nhưng bà T1 kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T1 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 30, quyển 01/93 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là phường P, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/3/1993 cho Võ Hoàng Quang Đ; giấy khai sinh số 36, quyển 01/1995 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là phường P, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/1995 cho Võ Hoàng Thủy T2 có căn cứ xác định bà T1 và ông H có 02 con chung tên Võ Hoàng Quang Đ sinh ngày 22/02/1993 và Võ Hoàng Thủy Tiên sinh ngày 11/02/1995. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T1 và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T1 và ông H xác định không có.

[3] Về án phí: Bà T1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Bích T1 được ly hôn với ông Võ Huy H.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Võ Hoàng Quang Đ sinh ngày 22/02/1993 và Võ Hoàng Thủy Tiên sinh ngày 11/02/1995. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Bích T1 và ông Võ Huy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Bích T1 và ông Võ Huy H xác định không có.

5. Về án phí: Bà Phạm Bích T1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Bích T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043789 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Phạm Bích T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.Thủ Đức;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Thủy